

Số: 14/BC-UBND

Ka Long, ngày 19 tháng 02 năm 2021

BÁO CÁO

V/v báo cáo kết quả thực hiện thống kê đất đai năm 2020

Thực hiện công văn số 620/UBND-VP ngày 08/02/2021 của UBND thành phố Móng Cái “Về việc thực hiện thống kê đất đai năm 2020 trên địa bàn Thành phố”. UBND phường Ka Long đã thực hiện kiểm tra rà soát các loại đất từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020 trên địa bàn phường kết quả cụ thể như sau:

1. Điều kiện tự nhiên

Vị trí địa lý: Phường Ka Long nằm ở phía bắc của thành phố Móng Cái.

- Phía bắc giáp với nước Trung Quốc
- Phía nam giáp với phường Ninh Dương
- Phía đông giáp với phường Hòa Lạc và phường Trần Phú
- Phía tây giáp với phường Ninh Dương

Tổng diện tích tự nhiên là 158.61 ha được chia thành 07 khu phố.

2. Hiện trạng sử dụng đất theo kết quả kiểm kê năm 2020

Tổng diện tích đất kiểm kê của phường là: 158.61 ha, chi tiết các loại đất theo bảng sau: (có bảng biểu kèm theo)

3. Tình hình biến động về sử dụng đất từ ngày 01/01/2020 đến ngày 31/12/2020

Trong năm 2020 đất trên địa bàn phường Ka Long biến động cụ thể như sau:

Thứ tự	Mục đích sử dụng	Mã	Diện tích năm 2020	So với năm 2019		So với năm 2018	
				Diện tích năm 2019	Tăng(+) giảm(-) 2019	Diện tích năm 2018	Tăng(+) giảm(-) 2018
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(4)-(5)	(7)	(8)=(4)-(7)
	Tổng diện tích đất của đơn vị hành chính (1+2+3)		158.61	158.61	0.00	154.47	4.14
1	Đất nông nghiệp	NNP	4.20	4.20	0.00	5.83	-1.63
1.1	Đất sản xuất nông nghiệp	SXN	3.88	3.88	0.00	5.83	-1.95
1.1.1	Đất trồng cây hàng năm	CHN					
1.1.1.1	Đất trồng lúa	LUA					
1.1.1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK					
1.1.2	Đất trồng cây lâu năm	CLN	3.88	3.88	0.00	5.83	-1.95
1.2	Đất lâm nghiệp	LNP					
1.2.1	Đất rừng sản xuất	RSX					
1.2.2	Đất rừng phòng hộ	RPH					
1.2.3	Đất rừng đặc dụng	RDD					
1.3	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	0.32	0.32	0.00		0.32
1.4	Đất làm muối	LMU					
1.5	Đất nông nghiệp khác	NKH					
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	151.89	151.64	0.25	129.66	22.23
2.1	Đất ở	OCT	36.81	36.55	0.26	30.55	6.26
2.1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT					
2.1.2	Đất ở tại đô thị	ODT	36.81	36.55	0.26	30.55	6.26

2.2	Đất chuyên dùng	CDG	89.99	90.00	-0.01	76.83	13.16
2.2.1	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0.88	0.88	0.00	0.56	0.32
2.2.2	Đất quốc phòng	CQP	1.85	1.85	0.00	1.88	-0.03
2.2.3	Đất an ninh	CAN	0.13	0.13	0.00	0.13	0.00
2.2.4	Đất xây dựng công trình sự nghiệp	DSN	6.14	6.14	0.00	3.55	2.59
2.2.5	Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp	CSK	24.34	24.34	0.00	25.47	-1.13
2.2.6	Đất sử dụng vào mục đích công cộng	CCC	56.65	56.65	0.00	45.24	11.41
2.3	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0.40	0.40	0.00		0.40
2.4	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	1.23	1.23	0.00	1.93	-0.70
2.5	Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT	NTD					
2.6	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	23.46	23.46	0.00	20.35	3.11
2.7	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC					
2.8	Đất phi nông nghiệp khác	PNK					
3	Đất chưa sử dụng	CSD	2.52	2.77	-0.25	18.99	-16.47
3.1	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	2.52	2.77	-0.25	18.99	-16.47
3.2	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS					
3.3	Núi đá không có rừng cây	NCS					

4. Tình hình chung về quản lý, sử dụng đất

- + Những loại vi phạm về chính sách đất đai không có.
- + Tự ý chuyển mục đích không có.
- + Lấn chiếm đất đai không có.
- + Đất chuyên mục đích trái pháp luật không có.

5. Kết luận, kiến nghị và đề xuất

Qua kiểm kê đất đai năm 2020:

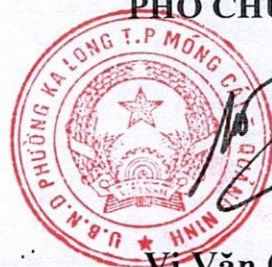
- Xác định được rõ quỹ đất đang sử dụng, quỹ đất chưa sử dụng.
- Đánh giá thực trạng sử dụng đất từ đầu năm 2020 đến nay.
- Làm cơ sở để điều chỉnh, hoàn thiện kế hoạch theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất trong phường cho năm tiếp theo.

Trên đây là toàn bộ kết quả kiểm kê, thống kê, biến động đất đai từ tháng 01/01/2020 đến hết ngày 31/12/2020 của UBND phường Ka Long để UBND thành phố, Phòng Tài nguyên & Môi trường, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố biết báo cáo Sở Tài nguyên & Môi trường theo quy định. /

Nơi nhận:

- UBND Thành phố (B/c);
- Phòng TN&MT (B/c);
- Văn phòng ĐKQSD đất (B/c);
- Lưu VP-UB.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Vũ Văn Quảng